

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án ĐTXD đường TL.277, đoạn từ nút giao TL.277 mới với đường TL.286 đi Đền thờ Lý Thường Kiệt, huyện Yên Phong (Giai đoạn 1).  
Đoạn từ đền thờ Lý Thường Kiệt đến đường TL.285B, tỉnh Bắc Ninh**

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;  
Căn cứ Luật Đầu tư công 2019;  
Căn cứ Luật Xây dựng 2014;  
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;  
Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;  
Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo thẩm định số 1819/SGTVT-QLCL ngày 15/9/2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án ĐTXD đường TL.277, đoạn từ nút giao TL.277 mới với đường TL.286 đi Đền thờ Lý Thường Kiệt, huyện Yên Phong (Giai đoạn 1). Đoạn từ đền thờ Lý Thường Kiệt đến đường TL.285B, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Đường TL.277, đoạn từ nút giao TL.277 mới với đường TL.286 đi Đền thờ Lý Thường Kiệt, huyện Yên Phong (Giai đoạn 1). Đoạn từ đền thờ Lý Thường Kiệt đến đường TL.285B, tỉnh Bắc Ninh.

**2. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Yên Phong.

**3. Nhóm, loại, cấp công trình:** Nhóm B, đường giao thông đô thị, cấp III.

**4. Địa điểm xây dựng:** Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

**5. Quy mô đầu tư.**

- Tổng chiều dài tuyến khoảng 800m

+ Điểm đầu: Xuất phát tại Km0+00 lý trình lập dự án (tại vị trí Đền thờ Lý Thường Kiệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong).

+ Điểm cuối: Kết thúc tại Km0+800 lý trình lập dự án (giao với đường TL.285B theo quy hoạch).

- Quy mô mặt cắt: ĐTXD toàn tuyến đường với mặt cắt ngang rộng 33,0m. Trên cơ sở lòng đường hiện trạng 7,0m; mở rộng bảo đảm mặt cắt ngang rộng 33,0m. Trong đó, lòng đường rộng 2x10,5m, hè đường rộng 2x5,0m, dải phân cách giữa rộng 2,0m.

- Thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị TCXDVN104-2007; vận tốc thiết kế V=50Km/h.



## 6. Các giải pháp kỹ thuật chủ yếu

6.1. Bình đồ tuyến: Theo hướng tuyến đang sử dụng và theo tuyến Quy hoạch được phê duyệt.

6.2. Trắc dọc tuyến:

- Thiết kế đường đô tuân thủ các nguyên tắc tôn trọng quy hoạch, cao độ công trình hiện trạng: Các điểm khống chế, tiếp giáp dự án đã có; giao cắt, đấu nối với giao thông hiện trạng.

6.3. Trắc ngang: Quy mô mặt cắt ngang tuyến đường đầu tư với quy mô như sau:  $B_n = 33,0\text{m}$  ( $5,0 + 10,5 + 2,0 + 10,5 + 5,0$ )m.

6.4. Nền đường: Đắp bằng cát đen đầm chặt  $K \geq 0,95$ ; phần dưới kết cấu mặt đường dày 30cm đắp bằng cát đen độ chặt  $K \geq 0,98$ .

6.5. Mặt đường:

- Kết cấu áo đường làm mới: Áo đường cấp cao A1 với  $E_y/c \geq 153\text{Mpa}$  (Đảm bảo các yêu cầu về hằn lún vệt bánh xe), bao gồm các lớp:

- Kết cấu áo đường tăng cường loại 01 và vuốt nối với đường ngang BTN;

- Kết cấu áo đường tăng cường loại 02; đoạn siêu cao ngược bù vênh lớn;

- Cường độ nền đường yêu cầu đạt  $E_o \geq 400\text{daN/cm}^2$ .

6.6. Phân bố vỉa, giải phân cách giữa, đảo giao thông, vỉa hè, cây xanh.

- Bó vỉa hè: Vỉa vát BT M200 kích thước đúc sẵn.

- Đan rãnh biên thoát nước: Tấm BTXM M200 đúc sẵn.

- Kết cấu vỉa hè, đoạn qua khu dân cư: Lát vỉa gạch Terrazzo KT(30x30)cm trên lớp đệm BTXM M100# đá 1x2 dày 10cm.

- Trên hè phố trồng các loại cây bóng mát như Sao đen, osaka, Giáng hương... khoảng cách (8÷10)m/cây. Hồ trồng cây kích thước (1,2x1,2)m, xây gạch xi măng, vữa xây M75, móng bê tông M150 dày 10cm; mặt ốp gạch lá dừa; độ đất màu dày 50cm.

- Trên giải phân cách giữa trồng các loại cỏ, cây trang trí tạo cảnh quan cho tuyến đường.

6.7. Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc tuyến:

+ Công tròn khẩu độ D1000÷1500, BTCT đúc sẵn TTA dài (2,0÷2,5)m, được bố trí trên vỉa hè.

+ Hồ ga thu bằng hồ ga xây gạch xi măng VXM mác 75; bản đáy BTCT M200, dày 10cm; móng ga BTXM M200 dày 15cm, trên lớp cát đen đệm móng; khoảng cách trung bình giữa các hồ ga là 40÷45m.

+ Hoàn trả mương theo thực tế.

- Thoát nước ngang đường: theo tiêu chuẩn thiết kế.

+ Nối dài cống hiện trạng:

6.8. Hệ thống ống, hào kỹ thuật.

- Kích thước (800x600)mm bằng bê tông cốt thép đúc sẵn

6.9. Hệ thống chiếu sáng: Độ chói trung bình, cột đèn, móng cột, chóa đèn dây dẫn... thiết kế theo tiêu chuẩn.

6.10. Hệ thống an toàn giao thông: Biển báo, sơn kẻ đường... thiết theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016.

**7. Tổng mức đầu tư: 91.362.670.000 đồng.** (Chín mươi một tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB:	49.712.260.000	đồng;
- Chi phí Xây dựng:	30.043.323.000	đồng;
- Chi phí QLDA:	583.081.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.777.521.000	đồng;
- Chi phí khác:	940.788.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	8.305.697.000	đồng.

**8. Nguồn vốn:** Ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016÷2020 & 2021÷2025 và các nguồn hợp pháp khác (Nếu có).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020-2024;
2. Phân chia gói thầu: Căn cứ vào nguồn vốn bố trí cho công trình, Chủ đầu tư triển khai thực hiện theo quy định;
3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Tổ chức thực hiện dự án theo quy định; hoàn thiện một số nội dung Dự án theo Văn bản số 1819/SGTVT-QLCL ngày 15/9/2020 của Sở Giao thông vận tải.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc nhà nước tỉnh, UBND huyện Yên Phong, Ban quản lý các dự án xây dựng huyện Yên Phong và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.XDCB; CVP.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đào Quang Khải**